

Số: 15/BC- THTH

Tân Hưng, ngày 27 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2025

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Thông tin chung

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường tiểu học Tân Hưng

2. Địa chỉ: Khu Thanh Liễu, phường Tân Hưng, thành phố Hải Dương;

Điện thoại: 0973505685

Website: <http://hd-thtanhung.haiduong.edu.vn>

3. Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND thành phố Hải Dương

4. Sứ mệnh, Tầm nhìn, Mục tiêu.

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao

Tầm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nề nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

- Lịch sử hình thành: Trường Tiểu học Tân Hưng thành lập năm 1992 được chia tách từ trường Phổ thông cơ sở Tân Hưng. Địa chỉ: khu dân cư Thanh Liễu, phường Tân Hưng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Trải qua 33 năm xây dựng nhà trường luôn phấn đấu không ngừng vượt mọi khó khăn từng bước đi lên, ngày càng trưởng thành và từng bước nâng cao: Giữ vững danh hiệu Tập thể LĐ tiên tiến các năm học, trong đó có 4 năm đạt Tập thể lao động xuất sắc: năm 1996-1997 đến 1999-2000; 03 lần được công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ I (năm 2000, 20205, 2010); đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ II và chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 từ năm 2015, chuẩn lại năm 2020, tháng 5 năm 2025. Năm học 2023-2024, 2024-2025 trường được nhận giấy khen của Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương. Trong những năm vừa qua trường Tiểu học Tân Hưng đang từng bước phát triển đi lên. Những kết quả mà nhà trường đã đạt được đã chứng minh điều đó. Nhà trường đang từng bước ổn định, phát triển bền vững và ngày càng

trưởng thành, trường đang phấn đấu trở thành một ngôi trường có chất lượng giáo dục tốt, một địa chỉ tin cậy của các bậc phụ huynh và học sinh của phường Tân Hưng.

- Trường Tiểu học Tân Hưng là trường công lập do UBND huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất. Ngày 19/3/2008, xã Tân Hưng được sáp nhập vào thành phố Hải Dương. Trường Tiểu học Tân Hưng được UBND thành phố Hải Dương tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình GD tiểu học do Bộ GD&ĐT ban hành trên địa bàn Tp Hải Dương.

- Xây dựng phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ GD&ĐT và nhiệm vụ giáo dục phát triển của địa phương. Thực hiện kiểm định chất lượng GD và thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Thị Lan Hương; Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Khu Thanh Liễu, phường Tân Hưng, thành phố Hải Dương;

Số điện thoại: 0973505685

Gmail: huonganhdung9999@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập trường

Trường Tiểu học Tân Hưng được tách từ trường Phổ thông cơ sở Tân Hưng. Năm 1992 trường có tên là trường cấp I Tân Hưng, sau đó năm 1995 trường đổi tên thành trường Tiểu học Tân Hưng.

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định công nhận Hội đồng trường: Quyết định số 556/QĐ-PGD&ĐT ngày 29/9/2022 của trường phòng giáo dục và đào tạo TPHD về việc công nhận Hội đồng trường tiểu học Tân Hưng nhiệm kỳ 2022-2027; Quyết định số 467/QĐ-PGDĐT ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Trường phòng giáo dục về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường trường tiểu học Tân Hưng, nhiệm kỳ 2022-2027; Tờ trình số 31/TTr-THTH ngày 09 tháng 9 năm 2024 về việc đề nghị bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường Nhiệm kì 2022-2027 của Hiệu trưởng trường Tiểu học Tân Hưng:

Danh sách thành viên Hội đồng trường nhiệm kỳ 2022-2027

(Kèm theo Tờ trình số: 31/TTr-THTH ngày 09 tháng 9 năm 2024)

STT	Họ và tên	Chức vụ nhà trường, địa phương	Chức danh trong HĐT
1	Nguyễn Thị Lan Hương	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Phạm Thị Hồng Vinh	Chủ tịch Công đoàn	Phó chủ tịch
3	Vương Thanh Tuấn	Phó Chủ tịch UBND phường	Thành viên

4	Tăng Thị Diệu	Đại diện Hội CMHS trường	Thành viên
5	Nguyễn Việt Long	Bí thư Đoàn thanh niên	Thành viên
6	Tiêu Thị Huyền	Tổ trưởng Tổ 1	Thành viên
7	Hoàng Thị Khuyên	Tổ trưởng Tổ 4+5	Thành viên
8	Phạm Thị Hồng Cẩm	Tổ trưởng Tổ Văn phòng	Thành viên
9	Nguyễn Trung Thành	Giáo viên	Thư ký

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng:

Quyết định Số 4786/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hải Dương Về việc điều động và bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Tân Hưng.

Quyết định Số 2854/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của UBND thành phố Hải Dương Về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Tân Hưng.

7.3. Quy chế tổ chức và hoạt động

- Cơ chế hoạt động của trường Tiểu học Tân Hưng

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Trường Tiểu học Tân Hưng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ thủ trưởng và chịu trách nhiệm cá nhân. Mọi hoạt động của nhà trường phải tuân thủ các quy định của pháp luật, sự lãnh đạo của UBND thành phố Hải Dương, các văn bản

hướng dẫn ngành giáo dục & đào tạo, Quy chế làm việc của trường và các văn bản quản lý của trường.

Hiệu trưởng lãnh đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; chịu trách nhiệm cá nhân trước UBND thành phố Hải Dương và trước pháp luật theo quy định chức năng, nhiệm vụ của nhà trường, kể cả khi phân công hoặc ủy quyền cho các Phó hiệu trưởng hoặc cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

Trong phân công công việc, mỗi việc chỉ giao một bộ phận hoặc một cá nhân chịu trách nhiệm giải quyết và phải chịu trách nhiệm chính về công việc được giao. Phó hiệu trưởng giúp việc cho Hiệu trưởng được Hiệu trưởng phân công một số nhiệm vụ cụ thể, có trách nhiệm quản lý, điều phối giải quyết các công việc theo sự phân công và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng, trước pháp luật về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao. Trong trường hợp người Hiệu trưởng phân công hoặc ủy quyền cho cấp dưới thì người được giao công việc phải chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và trước pháp luật; Cán bộ, viên chức, giáo viên, nhân viên thuộc trường phải xử lý và giải quyết công việc đúng trình tự, thủ tục, phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Đề cao trách nhiệm trong phối hợp công tác, trao đổi thông tin giải quyết công việc và trong mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định.

Trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết công việc phải bảo đảm tuân thủ theo đúng Quy chế làm việc của nhà trường, trừ những công việc được yêu cầu giải quyết ở mức độ “Khẩn”, “Hỏa tốc”.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường Tiểu học Tân Hưng được thành lập năm 1992. Trường có 1 điểm trường nằm cạnh UBND phường Tân Hưng, cách trung tâm thành phố khoảng 5 km, có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp.

Trường Tiểu học Tân Hưng là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Phòng GD&ĐT TP Hải Dương.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy:

- + 01 Hội đồng trường với 09 thành viên.
- + Lãnh đạo nhà trường: 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.
- + Hội đồng thi đua khen thưởng: 01 Hội đồng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 18 đảng viên.
- + Tổ chức Công đoàn có 33 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đoàn đội.
- + Ban đại diện CMHS.
- + Các tổ chuyên môn: 04 tổ chuyên môn.

7.4. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Thị Lan Hương	HT	0973505685	huonganhdung9999@gmail.com
2	Lương Thị Mai Thành	PHT	0989839241	luongmaithanh@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: khu Thanh Liễu, phường Tân Hưng, thành phố Hải Dương

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (Có văn bản đính kèm).

II. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

Năm học 2024-2025 :

Tổng số CB, GV, NV biên chế: 33; Hợp đồng: 01 (GV TA, từ học kì 2- đến hết năm học)

Trong đó : CBQL: 02; GVBC: 29; NV: 02;

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo		Nhóm vị trí việc làm (Hạng chức danh nghề nghiệp)				Chuẩn nghề nghiệp GVCSGDPT						Hoàn thành BD hàng năm theo quy định	
			ThS	ĐH	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt		Khá		Đạt			
									SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	33	2	31	1	11	15	4	22	71,0	9	29,0	0	0	33	100
I	Giáo viên	29	1	28	1	11	15	2	20	68,9	9	31,1	0	0	29	100
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt	8	0	8	0	3	5	0	7		1		0	0	8	
1	Ngoại ngữ	3	0	3	0	1	2	0	2		1		0	0	3	
2	Tin học	1	0	1	0	1	0	0	1		0		0	0	1	
3	Âm nhạc	1	0	1	0	0	1	0	1		0		0	0	1	
4	Mỹ thuật	1	0	1	0	0	1	0	1		0		0	0	1	
5	Thể dục	2	0	2	0	1	1	0	2		0		0	0	2	
II	Cán bộ quản lý	2	1	1	0	0	0	2	2	100	0		0	0	2	100
1	Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	0	1	1		0		0	0	1	
2	Phó hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	1	1		0		0	0	1	
III	Nhân viên	2	0	2	0	0	0		0		0		0	0	2	100
1	Nhân viên kế toán, văn thư	1	0	1	0	0	0								1	
2	Nhân viên TV, TB, phụ trách y tế, thủ quỹ	1	0	1	0	0	0								1	

- Kết quả xếp loại viên chức và đánh giá CNNGVCSGDPT cuối năm:

+ Xếp loại VCCB, GV, NV: HTXSNV: $6/33 = 18,2\%$;

HTTNV: $27/33 = 81,8\%$;

2. Cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

1. Khối phòng hành chính quản trị

Tên phòng	Tổng số (Hiện có)	Trong đó				Tổng diện tích	Còn thiếu
		Kiên cố	Cấp 4	Nhờ	Tạm		
Phòng Hiệu trưởng	1	1				27	
Phòng Phó hiệu trưởng	1	1				27	
Văn phòng	1	1				54	

Phòng Bảo vệ	1	1				20	
Khu vệ sinh của CB, GV, NV	2	2				60	
Khu để xe của CB, GV, NV	2	0	2			90	

2. Khối phòng học tập

Tên phòng	Tổng số (Hiện có)	Trong đó				Tổng diện tích	Còn thiếu
		Kiên cố	Cấp 4	Nhờ	Tạm		
Phòng học	20	20				1104	0
Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	1				54	0
Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1	1				92	0
Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	1	1				54	0
Phòng học bộ môn Tin học	1	1				54	0
Phòng học bộ môn KH-CN	1	1				54	0
Phòng đa chức năng	1		1			300	0

3. Khối phòng hỗ trợ học tập

Tên phòng	Tổng số (Hiện có)	Trong đó				Tổng diện tích	Ghi chú (còn thiếu)
		Kiên cố	Cấp 4	Nhờ	Tạm		
Phòng thư viện	1	1				120	
Phòng thiết bị	1	1				54	
Phòng đọc giáo viên	1	1				54	
Phòng tư vấn học đường	1	1				20	
Phòng truyền thống	1	1				54	
Phòng hoạt động Đội	1	1				27	

Phòng tư vấn học đường: chung với phòng y tế

Phòng thư viện liên với phòng đọc học sinh.

Thư viện ngoài trời: 300 m²

4. Khối phụ trợ

Tên phòng	Tổng số (Hiện có)	Trong đó				Tổng diện tích	Còn thiếu
		Kiên cố	Cấp 4	Nhờ	Tạm		
Phòng họp	3	3				128	
Phòng y tế trường học	1	1				20	
Nhà kho	4	4				32	
Khu để xe của học sinh	2	2				230	
Khu vệ sinh của học sinh	5	4	1			220	
Cổng, tường bao, hàng rào.	2	2				960	

Giải pháp khắc phục thiếu hoặc sửa chữa (nếu có): Không

5. Khu sân chơi, thể dục thể thao

Tên	Diện tích	Đánh giá chất lượng sử dụng	Còn thiếu
Sân chơi	4978	Tốt	
Sân thể dục thể thao	450	đảm bảo theo yêu cầu	

6. Khối phục vụ sinh hoạt

Tên phòng	Tổng số (Hiện có)	Trong đó				Tổng diện tích	Ghi chú
		Kiên cố	Cấp 4	Nhờ	Tạm		
Nhà bếp	1	1				50	
Kho bếp	1	1				10	
Nhà ăn	1		1			300	Chung với nhà đa năng

Giải pháp khắc phục thiếu hoặc sửa chữa (nếu có): Tham mưu với các cấp xây dựng nhà đa năng mới, đúng quy cách và yêu cầu của trường Chuẩn quốc gia mức độ 2

3. Hạ tầng kỹ thuật

- Hệ thống nước sạch: Các khu của nhà trường đều có hệ thống nước sạch đảm bảo tốt cho sử dụng, đảm bảo vệ sinh, môi trường xanh, sạch, đẹp, có hệ thống nước sạch, khu nhà vệ sinh, các trang thiết bị cơ sở vật chất ... đảm bảo tốt cho năm học mới

- Hệ thống cấp điện: Các khu nhà trường đều có hệ thống cấp điện đảm bảo công suất cho việc sử dụng.

- Hệ thống phòng cháy: Các khu nhà trường đều xây dựng các phương án phòng cháy, chữa cháy, có các thiết bị cần thiết cho việc phòng cháy, chữa cháy.

- Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc (*điện thoại, kết nối Internet, camera...*): Các khu nhà trường đều có hệ thống wifi phục vụ tốt cho việc kết nối Internet tạo điều kiện tốt cho học giảng dạy, học tập và làm việc của cán bộ giáo viên, học sinh.

- Khu thu gom rác thải: Nhà trường có hệ thống các thùng chứa rác thải, đã hợp đồng với công nhân vệ sinh môi trường thu gom rác thải theo đúng quy định, đảm bảo môi trường luôn sạch.

Bàn, ghế, bảng

Loại	Tổng số	Thiếu	Mua mới	Sửa
Bàn ghế giáo viên (<i>bộ</i>)	25	0	0	
Bàn học sinh	336	0	0	0
Ghế học sinh	672	0	0	0
Bảng	25	0	5	0
Trong đó (<i>Bảng chống loá</i>)	25	0	5	0

4. Trang thiết bị

4.1. Hệ thống camera giám sát

Tổng số mắt thu	Năm lắp đặt	Tình trạng hoạt động	Nguồn kinh phí (<i>triệu đồng</i>)		Nhu cầu cần bổ sung
			Ngân sách	XHH	
31	2018	29 mắt đang hoạt động, 2 mắt đã hỏng			không

4.2. Tivi, máy tính, máy chiếu, máy in, máy photocopy

Tên	Số lượng (chiếc, bộ)	Tình trạng hoạt động	Ghi chú
Tivi dùng cho văn phòng	3	Tốt	
Tivi trên lớp học	22	Bình thường	
Máy tính dùng cho văn phòng	4	Bình thường	
Máy tính dùng cho học sinh	50	18 bộ phòng Tin học và 6 bộ phòng Ngoại ngữ hoạt động tốt	
Máy chiếu	2	Bóng chiếu già nên hình ảnh mờ	
Máy in	4	Tốt	
Máy photocopy	0		

*** Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt năm học 2024-2025 và nhà trường vẫn dùng danh mục sách giáo khoa này cho năm học 2025-2026.**

- Sách giáo khoa lớp 1

STT	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN	BỘ SÁCH
1	Tiếng Việt 1, tập 1	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hoà Bình, Nguyễn Thị Ly Kha, Lê Hữu Tĩnh	NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
2	Tiếng Việt 1, tập 2	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Thị Minh Hương, Trần Mạnh Hưởng, Đặng Kim Nga	NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
3	Toán 1	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Ngà, Nguyễn Thị Thanh Sơn	NXB Đại học Sư phạm	Cánh điều
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái, Nguyễn Thị Thu Trang	NXB Đại học Sư phạm	Cánh điều
5	Đạo Đức 1	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thị Vân Hương, Trần Thị Tố Oanh	NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
6	Âm nhạc 1	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đỗ Thanh Hiền	NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
7	Mĩ thuật 1	Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhung (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Trần Thị Hương Ly, Hà Thị Quỳnh Nga, Phạm Văn Thuận, Nguyễn Thị Tuệ Thư	NXB Giáo dục Việt Nam	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong GD
8	Giáo dục thể chất 1	Đặng Ngọc Quang (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Công Trường	NXB Đại học Sư phạm	Cánh điều
9	Hoạt động trải nghiệm 1	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Phạm Quang Tiệp, Ngô Quang Quế	NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
10	Tiếng Anh 1	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Lương Quỳnh Trang	NXB Giáo dục Việt Nam	Global Success

- Sách giáo khoa lớp 2

STT	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN	BỘ SÁCH
1	Tiếng Việt 2, tập 1	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Hà, Đặng Kim Nga, Trần Mạnh Hưởng, Nguyễn Thị Tố Ninh	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều

2	Tiếng Việt 2, tập 2	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Khánh Hà, Hoàng Thị Minh Hương, Trần Bích Thủy, Lê Hữu Tĩnh	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
3	Toán 2, Tập 1	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Ngà, Nguyễn Thị Thanh Sơn	Đại học Sư phạm	Cánh điều
4	Toán 2, tập 2	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Ngà, Nguyễn Thị Thanh Sơn	Đại học Sư phạm	Cánh điều
5	Tự nhiên và Xã hội 2	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái, Phùng Thanh Huyền	Đại học Sư phạm	Cánh điều
6	Đạo Đức 2	Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên), Ngô Vũ Thu Hằng (Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Vũ Thị Mai Hương	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
7	Âm nhạc 2	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
8	Mĩ thuật 2	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên, (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Vũ Đức Long, Nguyễn Ánh Phương Nam, Lâm Yến Như, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
9	Giáo dục thể chất 2	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Phạm Đông Đức (Chủ biên), Phạm Trầg Kha, Nguyễn Duy Linh	Đại học Sư phạm	Cánh điều
10	Hoạt động trải nghiệm 2	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Ngô Quang Quế	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
11	Tiếng Anh 2	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Nguyễn Quốc Tuấn	NXB Giáo dục Việt Nam	Global Success

- Sách giáo khoa lớp 3

STT	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN	BỘ SÁCH
1	Tiếng Việt 3, tập 1	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà, Trần Mạnh Hưởng.	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
2	Tiếng Việt 3, tập 2	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Đỗ Thu Hà, Trần Mạnh Hưởng, Đặng Kim Nga, Lê Hữu Tĩnh	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều

3	Toán 3, tập 1	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Ngà, Nguyễn Thị Thanh Sơn	Đại học Sư phạm	Cánh diều
4	Toán 3, tập 2	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Ngà, Nguyễn Thị Thanh Sơn	Đại học Sư phạm	Cánh diều
5	Công nghệ 3	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên), Hoàng Đình Long (Chủ biên), Nhữ Thị Việt Hoa, Nguyễn Thị Mai Lan	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh diều
6	Tin học 3	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Chí Trung, Kiều Phương Thùy	Đại học Sư phạm	Cánh diều
7	Tự nhiên và Xã hội 3	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phùng Thanh Huyền, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái	Đại học Sư phạm	Cánh diều
8	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thanh Huân, Huỳnh Tống Quỳên, Nguyễn Thị Hàn Thy	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh diều
9	Mĩ thuật 3	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
10	Âm nhạc 3	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh diều
11	Giáo dục thể chất 3	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên), Nguyễn Thành Long, Phạm Đức Toàn, Vũ Thị Mai Phương	Đại học Sư phạm	Cánh diều
12	Hoạt động trải nghiệm 3	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Ngô Quang Quế	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh diều
13	Tiếng Anh 3	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn	NXB Giáo dục Việt Nam	Global Success

- Sách giáo khoa lớp 4

STT	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN	BỘ SÁCH
-----	----------	-------------	--------------	---------

1	Tiếng Việt 4, tập 1	Nguyễn Minh Thuyết (TCB kiêm CB) – Chu Thị Thủy An – Phan Thị Hồ Điệp – Nguyễn Thị Bích Hà – Nguyễn Khánh Hà – Trần Mạnh Hương – Trần Bích Thủy	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
2	Tiếng Việt 4, tập 2	Nguyễn Minh Thuyết (TCB kiêm CB) – Hoàng Hoà Bình - Vũ Trọng Đông - Đặng Kim Nga - Nguyễn Thị Tố Ninh - Đặng Thị Yến	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
3	Toán 4	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên) - Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên) - Nguyễn Hoài Anh - Trần Thuý Nga - Nguyễn Thị Thanh Sơn	Đại học Sư phạm	Cánh điều
4	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên) – Đỗ Tất Thiên (Chủ biên) – Nguyễn Chung Hải – Nguyễn Thị Diễm My – Huỳnh Tông Quyền – Nguyễn Thị Hàn Thy	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
5	Lịch sử và địa lí 4	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên phần Lịch sử), Ninh Thị Hạnh, Nguyễn Thị Phương Thanh, Lê Thông (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Tuyết Nga (Chủ biên phần Địa lí), Phạm Thị Sen, Nguyễn Thị Trang Thanh.	Đại học Sư phạm	Cánh điều
6	Khoa học 4	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phan Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái	Đại học Sư phạm	Cánh điều
7	Hoạt động trải nghiệm 4	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Lê Thị Hồng Chi, Nguyễn Thị Hương, Ngô Quang Quế	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
8	Tin học 4	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung	Đại học Sư phạm	Cánh điều
9	Công nghệ 4	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Minh Hằng, Nguyễn Thị Mai Lan (đồng Chủ biên), Hoàng Xuân Anh	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
10	Âm nhạc 4	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
11	Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo (bản 1)
12	Giáo dục thể chất 4	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đinh Thị Mai Anh, Nguyễn Thị Thu Quyết,	Đại học Sư phạm	Cánh điều

		Đinh Khánh Thu		
13	Tiếng Anh 4	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn	NXB Giáo dục Việt Nam	Global Success

- Sách giáo khoa lớp 5

TT	Tên sách (Tên bộ sách)	Tác giả (Ghi tất cả tên tác giả của bộ sách)	Tổ chức, cá nhân	Ghi chú
1	Tiếng Việt 5, Tập 1 Bộ sách Cánh Diều	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà, Đỗ Thu Hà, Đặng Kim Nga	NXB ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh	
2	Tiếng Việt 5, Tập 2 Bộ sách Cánh Diều	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh, Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Khánh Hà, Trần Đức Hùng	NXB ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh	
3	Toán 5, Tập 1 Bộ sách Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn	NXB Đại học SP	
4	Toán 5, Tập 2 Bộ sách Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn	NXB Đại học SP	
5	Tiếng Anh 5, tập 1 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn	NXB Giáo dục Việt Nam	
6	Tiếng Anh 5, tập 2 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn	NXB Giáo dục Việt Nam	
7	Đạo đức 5 Bộ sách Cánh Diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy	NXB ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh	
8	Khoa học 5 Bộ sách Cánh Diều	Bùi Phương Nga (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Hồng Bắc, Phan Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái	NXB Đại học Sư phạm	
9	Tin học 5 Bộ sách Cánh Diều	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung,	NXB Đại học Sư phạm	
10	Công nghệ 5 Bộ sách Cánh Diều	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Lan, Ngô Văn Thanh, Chu Văn Vượng	NXB ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh	

11	Giáo dục thể chất 5 Bộ sách Cánh Diều	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh	NXB Đại học Sư phạm	
12	Âm nhạc 5 Bộ sách Cánh Diều	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai, Trương Thị Thùy Linh	NXB ĐHSPTP Hồ Chí Minh	
13	Mĩ thuật 5 Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận	NXB Giáo dục Việt Nam	
14	Hoạt động trải nghiệm 5 Bộ sách Cánh Diều	Nguyễn Đức Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Lê Thị Hồng Chi, Nguyễn Thị Hương, Ngô Quang Quế	NXB ĐHSPTP Hồ Chí Minh	
15	Lịch sử và Địa lí 5 Bộ sách Cánh Diều	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên phần Lịch sử), Ninh Thị Hạnh, Nguyễn Thị Phương Thanh, Lê Thông (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Tuyết Nga (Chủ biên phần Địa lí), Phạm Thị Sen, Nguyễn Thị Trang Thanh	NXB Đại học Sư phạm	

IV. Kiểm định chất lượng giáo dục

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.

Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

Năm học 2024-2025, nhà trường đã đến hạn kiểm định chất lượng và trường chuẩn Quốc gia.

Trong suốt quá trình tự đánh giá, theo 5 tiêu chuẩn của Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 và Thông tư 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và Hội cha mẹ học sinh trường Tiểu học Tân Hưng hết sức tự hào bởi những thành quả mà nhà trường đã xây dựng và đạt được trong những năm qua: về công tác tổ chức và quản lý nhà trường; chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường; về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học; về quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội; về hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục. Trong 5 năm qua học sinh đạt thành tích trong học tập và rèn luyện đều tăng, đặc biệt là chất lượng dạy học luôn duy trì, giữ vững và nâng cao.

Nhà trường đã đón đoàn kiểm tra sơ bộ và chính thức về trường chuẩn Quốc gia

của Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Hải Dương vào tháng 3, tháng 4/2025 và được đánh giá đạt: Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và trường chuẩn Quốc gia mức độ 2.

Kết quả cụ thể như sau: Tự đánh giá và được Sở GD đánh giá:

- Tiêu chuẩn 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 10/10 tiêu chí
- + Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 10/10 tiêu chí
- + Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 4/4 tiêu chí

- Tiêu chuẩn 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 4/4 tiêu chí
- + Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 4/4 tiêu chí
- + Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 4/4 tiêu chí

- Tiêu chuẩn 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 3/3 tiêu chí
- + Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 3/3 tiêu chí
- + Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 2/2 tiêu chí

- Tiêu chuẩn 4:

- + Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 2/2 tiêu chí
- + Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 2/2 tiêu chí
- + Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 2/2 tiêu chí

- Tiêu chuẩn 5:

- + Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 5/5 tiêu chí
- + Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 5/5 tiêu chí
- + Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 4/4 tiêu chí

- Các tiêu chí theo mức 4:

- + Số lượng tiêu chí: 7 tiêu chí
- + Số lượng tiêu chí đạt Mức 4: 3/7 tiêu chí
- + Số lượng các tiêu chí không đạt mức 4: 4/7 tiêu chí

*** Kết luận của Sở giáo dục và đào tạo:** Nhà trường đạt điểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số 865/QĐ – SGDĐT ngày 14/5/2025, được công nhận là trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số 866/QĐ – SGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Hải Dương.

V. Kết quả hoạt động giáo dục

1. Kế hoạch tuyển sinh: Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2025 – 2026 (Kế hoạch số 38a/KH-THTH ngày 22/5/2025 của trường TH Tân Hưng)

*** Đối tượng tuyển sinh**

Trẻ 6 tuổi sinh năm 2019 (từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019) thuộc vùng tuyển sinh của trường.

Trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về có thể vào học lớp Một ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi.

Không nhận học sinh thiếu tuổi vào lớp Một

*** Địa bàn tuyển sinh:**

Tất cả trẻ em thuộc đối tượng trên sinh sống tại phường Tân Hưng và Khu đô thị Tân Phú Hưng.

* Chỉ tiêu tuyển sinh: 4 lớp, 140 học sinh.

* Thời gian tuyển sinh:

- Ngày 26/5/2025: Nộp KH tuyển sinh về PGD.

- Từ ngày 5/6/2025 đến hết ngày 6/6/2025: Nhận hồ sơ tuyển sinh;

- Ngày 06/6/2025: Hội đồng tuyển sinh tổng hợp số lượng, hoàn thiện danh sách, hồ sơ tuyển sinh năm học 2025-2026 gửi bản mềm về PGD

- Ngày 11/6/2025: Duyệt kết quả tuyển sinh với phòng GD&ĐT. Kết quả:

- Từ ngày 15/06/2025 đến hết ngày 16/06/2025: tuyển sinh bổ sung (nếu nhà trường chưa tuyển đủ chỉ tiêu được giao và phải được PGDĐT cho phép)

- Ngày 17/6/2015: Nhận kết quả duyệt tuyển sinh từ PGD:

+ Chỉ tiêu giao: 4 lớp 140 học sinh

+ Duyệt: 4 lớp 120 em học sinh (119 em trong danh sách của thành phố gửi về, 1 em ngoài danh sách – con giáo viên)

+ Đi trường khác: 21 em (trong đó có 1 em trùng tên còn 20)

- Nhà trường công bố danh sách học sinh trúng tuyển vào trường năm học 2025-2026 trên bảng tin và trang web, Fanpage của nhà trường và tập trung học sinh nhậ lớp theo hướng dẫn của cấp trên.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024-2025

*** Quy mô số lớp, học sinh:**

Năm học **2024 - 2025** nhà trường có tổng số 626 em học sinh (trong đó có 3 học sinh khuyết tật học hòa nhập) được biên chế trong 20 lớp, cụ thể như sau:

Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng	
Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp
96	4	141	4	118	4	137	4	134	4	626	20

* Chất lượng giáo dục

Tổng hợp chung chất lượng theo năng lực, phẩm chất và kết quả học tập:

[illegible]

IV	Số học sinh chia theo phẩm chất.	626	96	100	141	100	118	100	137	100	134	100
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	563	90	93,8	128	90,8	103	87,3	122	89,1	120	89,6
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	63	6	6,2	13	9,2	15	12,7	15	10,9	14	10,4
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
V	Số học sinh chia theo kết quả học tập	626	96	100	141	100	118	100	137	100	134	100
1	Hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	354	70	72,9	85	60,3	73	61,9	62	45,3	64	47,8
2	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	56	7	7,3	7	5	18	15,3	24	17,5	0	0
3	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	216	19	19,8	49	34,8	27	22,9	61	44,5	70	52,2
4	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
VI	Tổng hợp kết quả cuối năm	626	96	100	141	100	118	100	137	100	134	100
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	626	96	100	141	100	118	100	137	100	134	100
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Khen thưởng	441	79	82,8	94	66,7	88	74,6	88	64,3	92	68,7
3.1	HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	406	79	82,3	94	66,7	82	69,5	76	55,5	75	56
3.2	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	35	0	0	0	0	6	5,1	12	8,8	17	12,7

*** Kết quả các cuộc thi:**

Tổng hợp năm học có 38 học sinh đạt giải cao các cấp TP, tỉnh và quốc gia (giải Khuyến khích trở lên) và 102 giải cấp trường. Cụ thể: Quốc gia: 08 giải, Tỉnh: 11 giải; TP: 19 giải. Trong các cuộc thi, sân chơi, giao lưu tự nguyện như: Tiếng Anh IOE, Đấu trường toán học VioEdu, Trạng nguyên Tiếng Việt, Vẽ tranh....Cụ thể như sau:

- Cấp Quốc gia:

+ **Cuộc thi em vẽ ước mơ của em** – lần thứ 16 do báo TP tổ chức: em Lê Văn Khánh Huy – 5B: đạt giải Khuyến khích.

+ Thi Tiếng Anh qua mạng internet (IOE):

01 HS đạt Huy chương Vàng: Phạm Thanh Phương – 4A

01 HS đạt Huy chương Bạc: Nguyễn Văn Long Nhật – 5C

01 HS đạt Huy chương Đồng: Nguyễn Văn Gia Bảo – 5C

04 HS được chứng nhận Hoàn thành tốt kì thi cấp Quốc gia: Nguyễn Nguyễn Thái Bảo – 4B, Đoàn Quang Minh – 4B, Nguyễn Văn Minh Anh – 5C, Vương Bảo An – 5C.

- Cấp Tỉnh:

+ Thi Tiếng Anh qua mạng internet (IOE)

Nguyễn Văn Minh Anh (5C) – Giải Nhất

Nguyễn Ngọc Duy Khoa (3A) – Giải Ba

Phạm Thanh Phương (4A) – Giải Ba

Đoàn Quang Minh (4B) – Giải KK

Nguyễn Văn Long Nhật (5C) – Giải KK

+ Thi trạng nguyên TV qua mạng internet

Vương Thanh Mai (3D) – Giải Ba

Đoàn Quang Minh (4B) – Giải Ba

Nguyễn Thanh Tùng (5B) – Giải Ba

Phạm Thảo Nguyên (5A) – Giải KK

+ Thi Toán học VioEdu

Trương Thị Thanh Thủy (3B) – HC Đồng

Đoàn Quang Minh (4B) – Giải KK

- Cấp thành phố:

+ **Thi GVG:** cô giáo Nguyễn Thị Hải Hà, thầy Nguyễn Việt Long được công nhận là GVG thành phố.

+ **Thi chạy tập thể** của HS «Vì thành phố Hải Dương xanh»: đạt giải Nhì

+ **Cuộc thi ước mơ về TPHD tương lai:** Em Nguyễn Thị Thảo My – 5D: đạt giải Triển vọng.

+ **Thi Tiếng Anh qua mạng internet (IOE):** 03 giải Ba, 03 giải Khuyến khích.

STT	Họ và tên	Lớp	Kết quả	Hình thức công nhận
1	Nguyễn Văn Gia Bảo	5C	Giải Ba- Toàn quốc	Giấy CN
2	Nguyễn Văn Long Nhật	5C	Giải Ba - Toàn tỉnh	Giấy CN
3	Phạm Yến Nhi	3B	Giải Ba - Toàn tỉnh	Giấy CN
4	Đoàn Quang Minh	4B	Khuyến khích – Toàn quốc	Giấy CN
5	Nguyễn Ngọc Duy Khoa	3A	Khuyến khích - Toàn tỉnh	Giấy CN
6	Nguyễn Văn Minh Anh	5C	Khuyến khích - Toàn tỉnh	Giấy CN

+ Trạng nguyên Tiếng Việt: 09 HS đạt giải

STT	Họ và tên	Lớp	Kết quả	Hình thức công nhận
1	Nguyễn Thanh Tùng	5B	Nhất	Giấy CN
2	Phạm Thảo Nguyên	5A	Giải Ba	Giấy CN
3	Đoàn Quang Minh	4B	Giải Ba	Giấy CN
4	Vương Thanh Mai	3D	Giải Ba	Giấy CN
5	Vương Văn Chí Thanh	5D	Khuyến khích	Giấy CN
6	Vũ Lê Như Thuận	5A	Khuyến khích	Giấy CN
7	Nguyễn Văn Long Nhật	5C	Khuyến khích	Giấy CN
8	Mai Hà Phương	4C	Khuyến khích	Giấy CN
9	Đỗ Ngọc Bích	4C	Khuyến khích	Giấy CN

- Cấp trường: 102 giải

- + **Tiếng Anh IOE:** 3 giải Nhất; 6 giải Nhì; 9 giải Ba
- + **Trạng nguyên Tiếng Việt:** 01 giải Nhì; 05 giải Ba và 08 giải Khuyến khích
- + **Thi văn nghệ chủ điểm Bài ca ơn thầy** (chào mừng 20/11): 5 giải Nhất, 5 giải Nhì, 5 giải Ba và 5 giải Triển vọng
- + **Thi kể chuyện theo chủ điểm “Anh bộ đội cụ Hồ” (chào mừng 22/12):** 2 giải Nhất; 1 giải Nhì, 2 giải Ba và 1 giải *Được khán giả yêu thích nhất*
- + **Thi nhảy bao bố, chuyên bóng, kéo co trong HKPD cấp trường:** 5 giải Nhất, 5 giải Nhì.
- + **Thi sáng tác truyện:** : 01 giải ĐB, 1 giải Nhất, 2 giải Nhì và 1 giải KK
- + **Thi xếp sách nghệ thuật với chủ đề:** “Ngày hội non sông” – theo khối: 2 giải Nhất, 2 giải Nhì và 1 giải Ba

*** Kết quả thi đua của trường năm học 2024-2025**

Năm học 2024-2025: các thầy cô cũng ra sức thi đua và đạt được nhiều thành tích:

- Danh hiệu thi đua tập thể:

- + Trường đạt danh hiệu: Tập thể LĐTT, được Chủ tịch UBND thành phố tặng giấy khen.
- + Công đoàn đạt danh hiệu: Hoàn thành tốt nhiệm vụ; được Ban thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh Hải Dương chứng nhận “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa” giai đoạn 2023-2024 vào ngày 14 tháng 2 năm 2025;
- + Chi đoàn đạt danh hiệu: Vững mạnh;
- + Liên đội đạt danh hiệu: Liên đội Vững mạnh;
- + Thư viện đạt thư viện mức 2.
- + 20/20 lớp đạt danh hiệu: 10 lớp xuất sắc; 10 Lớp Tiên tiến.

- Danh hiệu thi đua cá nhân:

- + Đạt danh hiệu CSTĐ cấp CS: 3/33 đ/c chiếm 9,1% (đ/c Nguyễn Thị Lan Hương, Lương Thị Mai Thành, Phạm Thị Hồng Cẩm)
- + Lao động Tiên tiến: 33/33 chiếm 100%
- + Có 6 SK đạt cấp trường (4 loại Tốt, 2 loại Khá); 3SK đạt cấp TP.

- Khen cao:

- + UBND Tỉnh tặng bằng khen: : 1/33 đ/c chiếm 3 % (đ/c Mai Thành)
- + UBND TP Khen: 5/33 đ/c chiếm 15,2 % (đ/c Phạm Thị Quyên, Nguyễn Việt Long, Nguyễn Thị Hải Hà, Nguyễn Thị Hồng Thắm, Tiêu Thị Huyền)
- + BCH Liên đoàn Lao động Thành phố tặng giấy khen: 01 đ/c (đ/c Phạm Thị Hồng Vinh)

Các hội thi do phòng Giáo dục tổ chức nhà trường luôn tham gia đầy đủ;

3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học; số lượng học sinh được tuyển vào THCS

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học năm học 2024-2025: 134 em đạt 100%
- Số lượng học sinh được tuyển vào lớp 6: 134 em
- Số lượng HS được vào lớp 6 chất lượng cao của thành phố: 06 em (04 em vào trường THCS Võ Thị Sáu, 02 em vào trường THCS Lê Thanh Nghị)

VI. Công tác tài chính

1. Thu – chi tài chính năm 2024

a. Tiền ngân sách năm 2024: 7.103.936.968đồng

- Ngân sách chi thường xuyên: 6.114.920.000đồng
- Ngân sách chi không thường xuyên: 814.485.968đồng
- Thường theo NĐ 73: 174.531.000đồng

b. Chi ngân sách năm 2024: 7.102.466.535đồng

- Chi lương và phụ cấp lương: 5.802.240.206đồng
- Chi mua sắm, duy tu sửa chữa bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị...: 695.434.000đồng
- Chi tiền hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập: 12.000.000đồng
- Chi thường theo NĐ 73: 174.531.000 đồng
- Chi hoạt động chuyên môn: 418.261.329 đồng

2. Thu – chi nguồn dân góp năm 2024

- Tiền lao công:

Tổng thu: 98.182.000 đồng

Tổng chi : 98.182.000 đồng

- Tiền TANN:

Tổng thu: 134.280.000 đồng

Tổng chi : 134.280.000 đồng

- Tiền học KNS:

Tổng thu: 139.344.000 đồng

Tổng chi : 139.344.000 đồng

- Tiền xe đạp:

Tổng thu: 21.620.000 đồng

Tổng chi : 21.620.000 đồng

- Tiền học Buổi 2:

Tổng thu: 931.031.000 đồng

Tổng chi : 931.031.000 đồng

- Tiền nước uống tinh khiết:

Tổng thu: 33.804.000 đồng

Tổng chi : 33.804.000 đồng

- Bán trú:

Tổng thu: 1.619.401.800 đồng

Tổng chi: 1.466.040.000 đồng

Dư: 153.361.000 đồng (Tiền ăn, phụ phí tháng 12 năm 2024 sẽ được thanh toán trả các nhà cung ứng vào tháng tiếp theo)

- BHYT học sinh:

Tổng thu: 539.079.270 đồng

Tổng chi : 539.079.270 đồng

- BHTT: 130.730.000 đồng

Tổng thu: 130.730.000 đồng

Tổng chi : 130.730.000 đồng

3. Số dư các quỹ năm 2024: (chuyển sang năm 2025 chi tiếp)

- Tiền bán trú: 153.361.000 đồng

4. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách năm 2024: 12.000.000 đồng**5. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và**

miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2024-2025.

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND			
Học kỳ 1 năm học 2024 - 2025	10	6.000.000	
Học kỳ 2 năm học 2024 - 2025	07	5.250.000	
Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH			
Hỗ trợ học bổng			
Học kỳ 1 năm học 2024 - 2025			
Học kỳ 2 năm học 2024 - 2025			
Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập			
Học kỳ 1 năm học 2024-2025			
Học kỳ 2 năm học 2024-2025			

6. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025 và dự kiến 02 năm tiếp theo

A. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025

6.1. Học kì 1, năm học 2024- 2025

Các khoản thu góp của HS – Năm học 2024- 2025

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HBND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh Hải Dương Quy định mức thu học phí và danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các trường mầm non, giáo dục phổ thông và các cơ sở giáo dục đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

a. Khoản thu theo quy định:

* **Bảo hiểm y tế:** Mức thu: 73.710 đồng/tháng/ 1 Học sinh

- **Học sinh từ lớp 2 đến lớp 5:** nộp 884.520 đồng (Hạn thẻ 12 tháng, từ 01/01/2023. Thời gian nộp: Trong tháng 11/2023)

- Học sinh lớp 1:

STT	Trường hợp	Hạn thẻ sẽ cấp	Số tháng đóng tiền	Số tiền phải nộp (Đơn vị :đồng)
1	Sinh từ ngày 01/1 đến 01/10	01/10/2023	15	1.105.650 đồng
2	Sinh từ ngày 02/10 đến 01/11	01/11/2023	14	1.031.940 đồng
3	Sinh từ ngày 02/11 đến 01/12	01/12/2023	13	958.230 đồng
4	Sinh từ ngày 02/12 đến 31/12	01/01/2024	12	884.520 đồng

* **Phí trông giữ xe đạp** đối với HS đi xe đạp: 10.000 đồng/1 HS/tháng

* **Tiền học buổi 2** sẽ thu theo đúng công văn HD, duyệt của PGD và phòng tài chính TP.

b. Các khoản thu theo thỏa thuận và tự nguyện

- Lao công: 18.000 đồng/1HS/ tháng.
- Nước uống: 6.000 đồng/ 1HS/ tháng.
- Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài: 1 tiết/ tuần (theo đăng ký tự nguyện của PHHS). Mức thu 40.000 đồng/1 HS/1 tiết (thu theo số tiết thực học của HS)
- Học KNS: 12.000 đồng/1HS/ 1 tiết
- Quỹ CMHS lớp: theo TT 55/2011/TT- BGDDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ giáo dục và đào tạo.
- Mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho HS bán trú lần đầu (từ thời điểm ăn đến hết khóa học): 200.000đồng/1HS.
- Thống nhất mức thu bán trú năm học 2024- 2025:
 - + Lớp 1,2: 674.000 đồng/ 1HS/ tháng.
 - + Lớp 3,4,5: 696.000 đồng/ 1HS/ tháng
 - (22 ngày; 1 ngày ăn 2 bữa: 1 bữa chính và 1 bữa phụ)
- Bảo hiểm thân thể: 200.000 đồng/1 HS/1 năm (công ty Bảo hiểm Bảo Minh Hải Dương)

*** Lưu ý:**

Tất cả các khoản thu trên phụ huynh được thực hiện qua phần mềm.
Các khoản thu trên sẽ điều chỉnh nếu có văn bản hướng dẫn mới.

6.2. Học kì 2, năm học 2024- 2025:

Nhà trường, hướng dẫn GVCN tổ chức họp PHHS các lớp vào ngày 13/1/2025, đưa ra các khoản thu được quy định tại Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương và theo các quy định khác và lấy ý kiến của cha mẹ HS. 100% các bậc cha mẹ HS đều nhất trí và kí vào biên bản họp. Nhà trường đã công khai trên zalo các nhóm lớp. Cụ thể từng khoản thu như sau:

- Phí trông giữ xe đạp (đối với HS đi xe đạp): 10 000 đồng/HS/tháng
- Lao công: 20 000 đồng/1HS/tháng.
- Nước uống: 7.000 đồng/ 1HS/tháng.
- KNS: 12.000 đồng/1 HS/1 tiết
- TANN: 40.000 đồng/1 HS/1 tiết (đã bao gồm chi phí đấu thầu, theo đăng ký tự nguyện của PHHS, thu theo số tiết thực học của HS)
- Bán trú:
 - + Bán trú kì 2:
 - Lớp 1,2: 714.000 đồng/1HS/ tháng.
 - Lớp 3,4,5: 736.000 đồng/ 1HS/ tháng
 - (22 ngày: 01 bữa chính và 01 bữa phụ, bao gồm cả tiền ăn, phục vụ, phụ phí)
 - Thầu bán trú: 19.518 đồng/tháng/HS
 - (Sẽ thu cả 3,5 tháng vào kì thực hiện đấu thầu bán trú, chi phí đấu thầu có thể tăng lên hoặc giảm đi)
 - 2 buổi/ngày:
 - + Tháng 9,10/2024: 5.000 đồng/1 tiết/ 1HS
 - + Tháng 11/2024 : 8.451 đồng/1 tiết/ 1HS
 - + Tuần 18 (6/1 đến 10/1/2025) : 8.785 đồng/1tiết/1HS (HS chỉ học thêm KNS)

- Quỹ CMHS lớp: theo TT 55/2011/TT- BGDDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ giáo dục và đào tạo. Do CMHS tự nguyện đóng góp. Chi hội thống nhất trích một phần kinh phí Quỹ hội CMHS lớp về trường để hoạt động chung.

*** Lưu ý:**

Tất cả các khoản thu trên phụ huynh được thực hiện qua phần mềm.

Tuy nhiên phần đấu thầu bán trú chưa thực hiện do chưa có hướng dẫn cụ thể từ thành phố (Nhà trường đã kí phụ lục kéo dài hợp đồng cung ứng thực phẩm vào bếp ăn bán trú từ đầu năm học 2024-2025). Nên nhà trường không thu phần đấu thầu bán trú.

B. Dự kiến thu 02 năm tiếp theo: năm học 2025-2026, 2026-2027

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
	Năm học 2025 - 2026			
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
2	Mức thu (Phụ thuộc tiền lương cơ bản tại thời điểm)			
	Năm học 2026 - 2027			
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
2	Mức thu (Phụ thuộc tiền lương cơ bản tại thời điểm)			

Tất cả các khoản thu khác dự kiến sẽ được thực hiện trên cơ sở mức thu của Học kì 2 năm học 2024-2025 (mục 6, phần 6.2) và văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền.

7. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2024

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng		
2	Số dư tiền gửi Kho bạc	Đồng	100.964.981	TK 3713.0.1025492 Kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu của học sinh (87.406.7920

8. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2024

STT	Nội dung	ĐVT	Số người/Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số lao động tại đơn vị phải nộp thuế TNCN	Đồng	3 người/4.516.182	

9. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2025

STT	Nội dung	Dự toán đã thu 6 tháng đầu năm 2025	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Dự toán thực hiện 6 tháng Cuối năm 2025	Dự toán thực hiện (6 tháng đầu năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nguồn dịch vụ				
1	Trông xe đạp	12.950.000	11.295.000	1.655.000	
2	Buổi 2	1.134.762.153	1.118.125.468	16.636.685	
B	Dự toán chi Ngân sách nhà nước	8.196.317.546	4.468.851.615	3.727.465.931	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.202.615.200	3.479.340.702	3.723.274.498	
	Tiền lương		1.765.272.574		
	Phụ cấp lương		1.028.226.382		
	Các khoản đóng góp		488.233.514		
	Tiền thưởng		2.480.000		
	Thanh toán dịch vụ công cộng		41.430.829		
	Vật tư văn phòng		12.809.820		
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		12.470.520		
	Công tác phí		2.700.000		
	Chi phí thuê mướn		62.120.000		
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên		20.000.000		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		30.407.063		
	Chi khác		3.190.000		
	Kinh phí tiết kiệm		10.000.000		
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	992.231.913	989.510.913	2.721.000	
3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên chuyên nguồn	1.470.433	0	1.470.433	

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (để b/c);
- Chi bộ, BGH, HĐT, Tổ CM, đoàn thể, GV, PH (CK);
- Website của trường;
- Lưu: VT.

THAY MẶT NHÀ TRƯỞNG

Ng
HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Lan Hương

